

NHẬN DIỆN MỘT SỐ THÁCH THỨC VỀ PHÁT TRIỂN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY VÀ NHỮNG NHIỆM VỤ ĐẶT RA CHO GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

• PGS.TS ĐẶNG QUỐC BẢO

Nhờ công cuộc đổi mới, Việt Nam đã có những thành tựu phát triển ổn định. Nước ta đã ra khỏi các thách thức nặng nề về kinh tế - xã hội trong thập niên 80 của thế kỉ trước.

So với năm 1990 tỉ lệ nghèo của Việt Nam đã giảm đi một nửa, nước ta cũng làm tốt việc giảm tỉ lệ tử vong của trẻ sơ sinh, tạo điều kiện thuận lợi gia tăng số người dân ở nông thôn tiếp cận với nước sạch, GDP bình quân đầu người và chi phí sinh hoạt thể hiện qua chỉ số sức mua đầu người (PPP) gia tăng liên tục đã đạt giá trị > 2600 USD. Đến ngày 23/12/2009 được WB xác nhận bước vào khối các nước thu nhập trung bình.

Tuy nhiên Việt Nam vẫn đang có khoảng cách chậm hơn về HDI so với Malaixia là 17 năm, so với Thái lan là 16 năm, so với Trung Quốc là 6 năm. Việt Nam và Ấn Độ về HDI lúc hơn lúc kém nhau 1 bậc, song GDP_{VN} đầu người thì mới bằng gần nửa nước này.

1. Một số thách thức

Có nhiều thách thức đặt ra cho quá trình phát triển và hội nhập. Tổng quát có thể nêu ra năm thách thức mà chúng có tác động mạnh vào phát triển giáo dục như sau:

1.1 Thách thức thứ nhất:

GDP gia tăng song các chỉ báo về bất bình đẳng xã hội cũng gia tăng theo.

Đi vào công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập, giai đoạn đầu GDP sẽ có nhịp độ tăng nhiều hơn song sự bất bình đẳng xã hội sẽ gia tăng theo.

Chỉ xét riêng về bình quân đầu người thu nhập kinh tế có sự biểu hiện chênh lệch cho 5 nhóm: nhóm giàu nhất và nhóm nghèo nhất.

Năm	1995	1999	2002
Thu nhập đầu người	1236 USD	1860USD	2300USD
Nhóm giàu nhất	520.000 VNĐ	742.000	873.000
Nhóm nghèo nhất	74.000 VNĐ	97.000	108.000
Chênh lệch giàu nghèo	7 lần VNĐ	7,6 lần	8,1 lần

Nếu chia thành 10 nhóm: nhóm thứ nhất 10% dân cư giàu nhất và nhóm thứ 10: 10% dân cư nghèo nhất và so sánh sự chênh lệch giữa 2 nhóm đó thì độ lệch năm 2003 là 13,75 lần. (Nguồn: Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2002, NXB Thống kê Hà Nội, HDR 2004 của UNDP).

Hiện nay không chỉ có sự gia tăng bất bình đẳng trong kinh tế, mà còn có sự gia tăng bất bình đẳng trong giáo dục. Cuộc tổng điều tra dân số năm 1989 cho thấy mức chênh MSY (Mean School Year) đã lên 6,4 năm.

MSY \ Năm	Năm 1989	Năm 1999
MSY Hà Nội (năm)	5,9	9,69
MSY Lai Châu (năm)	2,8	3,27

Với thách thức này hệ thống giáo dục nước ta thiết nghĩ phải có sự tái cấu trúc và phải có chiến lược đồng thời đáp ứng cho "3P".

P1 - "Phát triển" phải có hệ trường nhằm tới sự phát triển nhân lực có chất lượng cao của các ngành khoa học - kĩ thuật mũi nhọn, hệ trường tạo ra nhân tài cho đất nước

Hình thức đào tạo cử nhân tài năng, hệ thống các trường chuyên, trường năng khiếu ở bậc THPT chính là phục vụ cho yêu cầu này.

P2 - "Phổ cập" phải có hệ trường thực hiện phổ cập giáo dục cơ sở có chất lượng. Sự phổ cập này cần có thực chất. Nước ta nên dùng chuẩn MSY (số năm học trung bình) để xem xét các địa phương thực hiện được phổ cập trung học cơ sở.

Chuẩn phổ cập THCS của ta hiện nay chưa hội nhập với thế giới.

P3: "Phục vụ" phải có hệ trường đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của nhân dân, đảm bảo cho công dân giáo dục thường xuyên, đào tạo liên tục học tập suốt đời.

Chừng nào hệ giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp ở nước ta (cho cấp trung học) còn phân lập như hiện nay thì xu thế giáo dục ứng thí

vào đại học còn tiếp tục gia tăng và để lại nhiều hệ lụy tiêu cực cho phân công xã hội

1.2. Thách thức thứ hai:
Tốc độ đô thị gia tăng song do năng lực giải quyết các vấn đề xã hội của đô thị kém nên để lại nhiều vấn đề bức xúc.

Như đã chỉ ra đô thị hoá tính theo dân số đô thị ở nước ta mới đạt 25,8%.

1975	2003
18,9%	25,8%

Đi vào công nghiệp, và hội nhập phải đẩy mạnh quá trình đô thị hoá. Theo dự báo của các chuyên gia khả năng đô thị hoá của nước ta từ nay đến năm 2015 đạt 32,4%. Trong khoảng 10 năm nữa ta phải tăng số dân ở đô thị so với năm 2003 là 6,8%.

Đây là vấn đề không dễ dàng và đầy thử thách. Năng lực quản lí đô thị của nước ta còn nhiều kém cỏi: nạn ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường đang gây cho người dân đô thị nhiều bức xúc trong đời sống, chưa kể nhiều vấn đề khác như nhà ở cho người nghèo, quản lí hộ khẩu, dòng người nhập cư không có kế hoạch vào các thành phố.

Nước ta đang có một sức ép lớn vào giáo dục (ở vùng thành phố). Ở vùng đô thị thông thường giáo dục các nhà trường chỉ mới lo cho dân cư có hộ khẩu chính thức; còn số dân không có hộ khẩu chính thức đặc biệt là dân nghèo nhập cư thì hầu như giáo dục chưa thực hiện hết trách nhiệm quản lí. Chính vì vậy số người mù chữ và thất học tăng lên. Đó là một trong các lí do khiến số người mù chữ ở nước ta thời gian qua tăng lên và UNDP đã đánh giá không cao chỉ số này ở nước ta.

Hiện nay mức đô thị hoá của Việt Nam còn thấp so với một số nước khác của khối ASEAN.

Nước	Số dân đang sống ở đô thị 2003 (%)	Số dân đô thị 2005 (%)
Malaixia	63,8	71
Thái Lan	43,8	51,2
Philipin	61	69,2
Trung Quốc	38,6	49,5
Indônêxia	45,5	57,8
Việt Nam	25,8	32,4

Như vậy vấn đề quan trọng là vừa phải đẩy mạnh đô thị hoá, vừa phải nâng cao năng lực

quản lí quá trình đô thị hoá. Giáo dục phải phục vụ tốt cho công việc này trước hết là phải cải tiến phương thức quản lí. Cần chú ý cả giáo dục chính quy (Formal Education), giáo dục bán chính quy (Nonformal Education) và giáo dục không chính qui (Informal Education).

Thời gian qua việc cấp phát ngân sách Nhà nước cho giáo dục và ngành giáo dục sử dụng nguồn tiền này mới chỉ quan tâm đến giáo dục chính quy và giáo dục bán chính qui. Ngân sách cho giáo dục không chính qui ở nước ta còn ít được chú ý.

1.3. Thách thức thứ 3:
Mức sống vật chất của dân được cải thiện song người dân đòi hỏi được hưởng an sinh xã hội nhiều hơn. Hiện nay ta chưa giải quyết thật tốt vấn đề này.

Công nghiệp hoá và hội nhập sẽ tạo ra sự cải thiện về mức sống vật chất chung song cũng làm cho sự an sinh xã hội của một bộ phận lớn nhân dân có thử thách nghiệt ngã hơn.

Tệ nạn ma tuý đang gia tăng ở nước ta. Thông thường những nơi có GDP cao thường cũng là nơi có ma tuý, mại dâm, HIV nhiều hơn.

Khi tính HDI theo ba chỉ số thông thường thì Quảng Ninh có thứ hạng 11/61 tỉnh thành, song khi đưa thêm thành phần biểu thị số người nghiện ma tuý thì Quảng Ninh xếp thứ 30/61 tỉnh thành, Thái Nguyên từ 32 xuống 52... Hà Nội từ thứ 2 xuống thứ 4, Hải Phòng từ thứ 5 xuống thứ 10 (Tài liệu của đề tài KX05.05).

Năm 1990 lần đầu tiên thống kê HIV ở nước ta phát hiện công khai có 1 trường hợp người, đến năm 2003 phát hiện công khai có 70.000 trường hợp, đến tháng 6/2005 phát hiện trên 90.000 trường hợp.

Tai nạn giao thông ngày càng gia tăng. An toàn thực phẩm cũng là nỗi lo lắng cho người dân khi cuộc sống đi vào guồng máy công nghiệp hoá. Rau sạch, thịt sạch, nước sạch, không khí sạch thường là những thứ hàng xa xỉ trong cuộc sống mà người nghèo khó lòng tiếp cận được.

Công nghiệp hoá và hội nhập tạo ra nhiều triển vọng phát triển của đất nước song cần phải thấy rõ có hai tầng lớp: nông dân và phụ nữ dễ chịu các thương tổn cho cuộc sống an bình của họ.

Do công nghiệp hoá mà một bộ phận đất canh tác bị thu hẹp, người nông dân dù có được một ít tiền đền bù nhưng nếu không có nghề thì dễ gia

nhập vào đội quân thất nghiệp. Chưa kể các tệ nạn xã hội sẽ len về nông thôn làm cho cuộc sống thanh bình ở các làng xóm bị xáo trộn.

Khi vào Tổ chức thương mại thế giới thì phải mở cửa cho các loại dịch vụ và hàng hoá của các nước khác. Thị trường lao động sẽ sôi động trong cuộc sống. Các loại hình lao động ít năng suất sẽ bị đào thải. Phụ nữ do chức năng sinh con, nuôi con không thể làm việc liên tục, chưa kể khó có thể thích ứng với các ngành nghề có công nghệ sản xuất tinh xảo, họ sẽ là lớp người đầu tiên bỏ sung cho đội quân thất nghiệp.

Giáo dục cần phải quan tâm đến việc dạy nghề, đặc biệt dạy nghề cho nông dân bị thu hồi đất phục vụ cho việc xây dựng các khu công nghiệp, dạy nghề cho phụ nữ để họ có khả năng thích nghi với các thử thách của quá trình công nghiệp hoá, hội nhập. Đây không chỉ là các vấn đề có tính tình thế mà nó còn mang mục tiêu có tính nhân văn cao cả, cần được quan tâm trong một thời gian dài trong quá trình phát triển của đất nước ta.

1.4. Thách thức thứ tư:

Hiểu biết của người dân tăng lên và đòi hỏi về phát triển nền dân chủ xã hội cũng gia tăng.

Dân trí ngày nay dù được gia tăng song sự quản lý phát triển nền dân chủ trong đời sống xã hội chưa theo kịp với sự gia tăng dân trí. Học vấn của nhân dân ta có sự mở mang nhiều trong thời kì đổi mới. Nếu năm 1990 (lúc đó ta vừa ra khỏi các cuộc chiến tranh ác liệt : chiến tranh vệ quốc 30 năm, chiến tranh biên giới phía Bắc và biên giới Tây Nam) số năm học trung bình của người dân đạt khoảng 3,8 năm (tư liệu UNDP từ HDR 2001) thì đến nay với cuộc tổng điều tra dân số 2009 đã có khoảng 7 năm.

Khi công bố Báo cáo phát triển con người năm 2005, các quan chức của cơ quan Liên hiệp quốc tại Hà Nội ca ngợi thành tựu của Việt Nam về nhiều mặt trong sự nghiệp chăm lo phát triển con người cũng đã thẳng thắn chỉ ra: "Các nhà lãnh đạo Việt Nam sẽ phải đối mặt với thách thức làm thế nào thoả mãn mối quan tâm và nhu cầu của nhiều nhóm khác nhau trong xã hội. Một trong những yếu tố góp phần làm nên những thành tựu trong phát triển của ngày nay là truyền thống hiếu học của người dân. Do đó không nghi ngờ gì nữa ngày càng có nhiều người học cao hiểu rộng mở mang tầm mắt ra thế giới và từ đó sẽ có những suy nghĩ năng động hơn, sáng tạo hơn và hun

đúc nhiều nhiệt huyết hơn".

Dân trí dù được nâng cao song quá trình quản lý xã hội chưa theo kịp với sự phát triển. Chỉ số tham nhũng, chỉ số ổn định kinh tế vĩ mô ở nước ta thường có xu hướng tụt hạng.

Theo Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu do Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) công bố năm 2005 thì so với năm 2004.

Chỉ số tham nhũng Việt Nam tụt 14 bậc

Chỉ số ổn định kinh tế vĩ mô tụt 11 bậc

Giáo dục hoá xã hội và xã hội hoá giáo dục đang được thực hiện tốt trên đất nước. Tuy nhiên hai vấn đề này chỉ có thể hỗ trợ bổ sung tốt cho nhau phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững nếu chúng đặt trên nền tảng dân chủ hoá đời sống xã hội thật tích cực.

Sự phát triển giáo dục trước hết phục vụ cho quá trình dân chủ xã hội và chính sự phát triển giáo dục cũng phải được dân chủ hoá.

Tình trạng phát triển giáo dục hiện nay khi ngành giáo dục chỉ được quản lý chương trình giáo dục, đào tạo; còn các vấn đề khác như quản lý nhân sự, tài chính vẫn nằm ngoài điều hành trực tiếp của ngành thì chất lượng giáo dục còn bị hạn chế.

Mở rộng quyền tự chủ và nâng cao trách nhiệm của các nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân, của các cơ quan quản lý giáo dục đối với các quá trình phát triển kinh tế - xã hội phục vụ cho yêu cầu công nghiệp hoá, hội nhập là rất cần thiết.

1.5. Thách thức thứ năm:

Việt Nam ở vào vùng kinh tế năng động của thế giới trong thời kì công nghiệp hoá song cũng lại ở vùng có sức ép cạnh tranh rất lớn.

Vị trí địa lý của Việt Nam đang tạo cho đất nước những điều kiện thuận lợi để công nghiệp hoá và thúc đẩy sự hội nhập. Nhưng ở vị trí này cũng đang đặt ra cho đất nước sự cạnh tranh dữ dội. Song hành với chúng ta là các nền kinh tế mạnh như Trung Quốc, Singapo, Malaixia, Thái Lan. Các nước khác như Ấnô-nê-xia, Philipin cũng có thế mạnh riêng về kinh tế.

Đề ý đến ba chỉ số:

- Năng lực cạnh tranh tăng trưởng
- Năng lực cạnh tranh buôn bán
- Năng lực cạnh tranh tổng hợp

theo Báo cáo của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) 2005, thứ hạng của Việt Nam đều ở mức bình thường.

Nước	Thứ hạng		
	Chỉ số năng lực cạnh tranh tăng trưởng	Chỉ số năng lực cạnh tranh buôn bán	Chỉ số năng lực cạnh tranh tổng hợp
Singapore	6	5	5
Malaixia	24	23	25
Thái Lan	36	37	33
Việt Nam	81	82	74
Indônêxia	74	59	69
Philippin	77	69	73

Các số liệu so sánh sau đây giữa Việt Nam và Trung Quốc cho thấy dù xuất phát điểm giống nhau nhưng tốc độ phát triển nhanh chậm khác nhau:

Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng năm (%)

Giai đoạn	Trung Quốc	Việt Nam
1995 - 1997	11,8	11,9
1997 - 2000	12	12,6
2000 - 2002	14,4	7

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài trên đầu người (%)

Năm	Trung Quốc	Việt Nam
1997	36	29
1998	35	22
1999	31	18
2000	30	17
2001	34	15
2002	41	17

Nước ta phải khắc phục tình trạng nguồn nhân lực yếu kém về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, kiến thức hội nhập, đàm phán, kinh doanh. Hiện nay ta có hàng ngàn luật sư nhưng còn rất ít trong số này được cấp bằng tư vấn quốc tế. Nước ta cũng gia tăng được số người được dạy nghề, song số có tay nghề cao so với những nước ASEAN ở top các nước có nền kinh tế tốt thì ta vẫn còn thua họ. Thái Lan là nước thua Việt Nam về đào tạo học sinh giỏi toán phổ thông. Thế nhưng trong kì thi toán quốc tế năm 2010, nước này đã vươn lên vào nhóm 10 nước hàng đầu của thế giới, còn Việt Nam tụt xuống thứ 11.

2. Những nhiệm vụ đặt ra cho giáo dục Việt Nam

2.1. Giáo dục Việt Nam đang khép dần thời gian tiến đến điểm kết thúc chiến lược 2011 -

2010 và xây dựng tầm nhìn phát triển cho năm có hai con số 20 đứng cạnh nhau - năm 2020.

Những người có tâm huyết với sự nghiệp giáo dục thường hình dung trạng thái phát triển giáo dục của đất nước ở thời điểm 2020 qua các kịch bản nhằm vượt qua các thách thức đã nêu ra.

Sáu mươi năm trước khi mới giành được chính quyền cách mạng 95% nhân dân ta còn mù chữ. Ngày nay đất nước là thực hiện được hơn 90% nhân dân biết chữ. Từ chỗ chỉ có một thiểu số 5% dân cư đi học, ngày nay đất nước tạo ra cơ hội cho 100% dân cư được đi học đối với cả 5 phân hệ: Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giáo dục nghề nghiệp, giáo dục cao đẳng đại học, giáo dục thường xuyên. Số người được đi học ngày nay ở nước ta thu hút vào cả ba phương thức giáo dục: giáo dục chính quy (Formal Education), giáo dục bán chính quy (Nonformal Education) là trên 26 triệu người, con số này còn nhiều hơn cả số dân nước Malaixia.

Thời kì 1979 - 1989 khi đất nước khó khăn do cuộc chiến tranh ở biên giới Tây nam và biên giới phía Bắc, do sự cấm vận của kẻ thù, giáo dục suy thoái. Tính theo số năm học trung bình (Mean School Year) của người dân thì năm 1979 là 4,4 năm, năm 1989 là 4,5 năm, 10 năm ta chỉ nâng lên có 0,1 năm học vẫn cho người dân.

Đường lối đổi mới chung và đổi mới giáo dục đã giải phóng được sức sản xuất của đất nước. Ngày nay dù còn rất nhiều khó khăn, mặt bằng kinh tế chưa phải cao (Bình quân thu nhập của người dân ở nước ta năm 2010 khoảng 1000\$/ năm 2007 còn ở mức 806\$) nhưng MSY của Việt Nam đã đạt gần 7 năm (xử lí kết quả từ Tổng điều tra dân số năm 2009).

Tuy nhiên ta không nên ru ngủ bằng thành tựu. Nhiều ý kiến tâm huyết từng mong mỏi ***"phải cải cách cơ bản nền giáo dục quốc dân, hình thành một nền giáo dục dân chủ, nhân văn và hiện đại, một xã hội học tập, xã hội tri thức biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục, trao cho con người những công cụ và phương pháp để tự học và học tập suốt đời"***.

64 năm trước đây (năm 1946) khi đi công tác từ Pháp trở về, Bác Hồ đã kêu gọi toàn dân: "Phải làm cho dân tộc ta trở thành dân tộc thông thái", 63 năm trước đây (năm 1947) khi dân tộc bước vào cuộc kháng chiến trường kì gian khổ chống lại sự xâm lược của đế quốc Pháp, Bác Hồ trong bài nói chuyện với nhân dân Thanh Hoá đã yêu cầu

mỗi gia đình tỉnh thành phải là một “Gia đình học hiệu, mỗi người dân Thanh Hoá phải là một “Tiểu giáo viên. Người đã trao nhiệm vụ này cho ông Lê Thuớc và ông Đặng Thai Mai, hai nhà trí thức có tên tuổi giúp tỉnh Thanh Hoá hiện thực được các điều này.

Giáo dục Việt Nam trong quá trình phát triển phải cố gắng hiện thực được điều này mong mỗi của Bác Hồ

2.2. Kịch bản phát triển giáo dục theo mức tối đa và tối thiểu

Các kịch bản phát triển của các đất nước ngày nay thường cô đọng vào chỉ số HDI (Human Development Index - Chỉ số phát triển con người). Chiến lược phát triển kinh tế xã hội Việt Nam (trong dự thảo các Báo cáo trình ra Đại hội Đảng CSVN toàn quốc lần thứ 11 đã nhấn mạnh đến việc phải nâng HDI của Việt Nam lên mức trung bình cao của thế giới. Qua chỉ số HDI thì thấy mức giáo dục phải đạt đến và tác động của nó đến phát triển kinh tế, tuổi thọ của con người. Đây là “Bộ tam đa (Phúc - Lộc - Thọ)” cho mỗi đất nước, mỗi cộng đồng. Từ Báo cáo phát triển con người do UNDP công bố năm 2009. Chúng tôi xin nêu HDI năm 2007 của ba nước Việt Nam, Trung Quốc và Hàn Quốc với hàm ý như một khuyến nghị: Liệu đến năm 2020 Việt Nam có thể vươn lên bằng Hàn Quốc năm 2007 (mức cao) hoặc bằng Trung Quốc năm 2007 (mức thấp), qua HDI.

Lấy hai mức này là để khuyến cáo phương châm hành động “Tiến khả dĩ công” - tức là nếu thuận lợi thì phải vươn lên bằng Hàn Quốc, “Thoái khả dĩ thủ” tức là nếu có khó khăn thì cũng phải giữ bằng mức Trung Quốc hiện nay. (cần phải lường tới các thách thức về biến đổi khí hậu).

	Việt Nam (2007)	Trung Quốc (2007)	Hàn Quốc (2007)
HDI tổng hợp	0,725	0,772	0,937
Chỉ số người biết chữ (%)	90,3	93,3	100
Chỉ số thanh thiếu niên từ 6-24 tuổi được đi học (%)	62,3	68,7	98,5
Chỉ số giáo dục tổng hợp	0,810	0,851	0,993
Tuổi thọ	74,3	72,9	79,2
Chỉ số tuổi thọ	0,84	0,799	0,904
Thu nhập quốc dân bình quân theo sức mua (\$)	2.600	5.383	24.801
Chỉ số kinh tế	0,544	0,665	0,920

*/ Số liệu trên được lấy từ HDR2009 của UNDP

Lấy mức Trung Quốc là lấy mức tổng hợp. Thật ra về mặt tuổi thọ năm 2007 Việt Nam đã hơn Trung Quốc (Việt Nam 74,3, Trung Quốc 72,9). Tuy nhiên chỉ số HDI chung Việt Nam mới đạt 0,725, Trung Quốc đã có mức 0,772.

Xin lưu ý trong thời gian 7 năm từ 2001 đến 2007, HDI của Việt Nam chỉ tăng được 0,037 (năm 2001: 0,688, năm 2007: 0,725) mỗi năm tăng hơn 6 phần ngàn điểm. Như vậy cứ theo động thái này với giả thiết không có đột biến chiều lên và chiều xuống thì đến năm 2020, sau 13 năm sẽ tăng được 0,078, lúc đó HDIVN sẽ ở mức 0,803, tức là cao hơn mức Trung Quốc hiện nay.

Còn nếu chỉ tăng ở mức 4 phần ngàn điểm mỗi năm, thì đạt HDI = 0,777 tức là bằng mức Trung Quốc hiện nay (0,772).

Vậy với mức Trung Quốc 2007 HDI = 0,772 có thể ta sẽ đạt và vượt qua (trừ những khó khăn khách quan bất ngờ), còn lấy mức Hàn Quốc (2007) HDI = 0,937 thì kinh tế giáo dục nước ta phải có nỗ lực lớn lao. Cần lưu ý thế kỉ trước, năm 1960 Hàn Quốc và Việt Nam có trình độ ngang nhau.

Cũng xin dẫn thêm trình độ phát triển của Cuba (một nước xã hội chủ nghĩa thân thiết với ta) để tham khảo trong kịch bản phát triển.

Nước	Việt Nam 2007	Cuba 2007
Giá trị HDI	0,725	0,863
Xếp thứ	116/182	51/182
Tuổi thọ (năm)	74,3	78,5
Biết chữ (%)	90,3	99,8
Đi học (%)	62,3	100,8
Thu nhập bình quân	2600	6871
Chỉ số T (tuổi thọ)	0,84	0,891
Chỉ số G (giáo dục)	0,81	0,993
Chỉ số K (kinh tế)	0,544	0,706

Chúng tôi cho rằng sự phát triển về mặt phúc lợi xã hội của nước ta, trong đó có sự phát triển giáo dục cần phải lưu ý kinh nghiệm của Cuba.

2.3. Mô hình 4P, 4F và mười bộ ba của quá trình phát triển giáo dục Việt Nam đảm bảo cho sự hiện thực mục tiêu vạch ra.

Đưa ra con số là cần, nhưng đó chỉ là phần nổi của kế hoạch phấn đấu, cái cần hơn là phần hòn của nền giáo dục.



Nền giáo dục của nước ta đương nhiên phải góp phần làm cho GDP bình quân tăng lên, góp phần làm cho tuổi thọ người dân tăng lên, song cái cần hơn là sự tác động của nó sao cho đất nước phát triển đạt được sự hài hoà và bền vững hướng vào cả đời sống cá nhân và đời sống cộng đồng.

Mô hình 4P hướng vào sự phát triển cộng đồng bao gồm:

- P_1 (Peace) đất nước và mỗi cộng đồng được hoà bình, an ninh không có chiến tranh khủng bố. Giáo dục nhà trường đối với mọi người học phải làm tốt sự giáo dục nhân văn và quốc tế.

- P_2 (Poverty), đất nước, cộng đồng thu hẹp được khoảng cách giàu nghèo. Chênh lệch thu nhập là đương nhiên, nhưng không nên để sự chênh lệch về hưởng thụ giáo dục làm cho lòng dân phân tâm. Giáo dục phải tác động tích cực vào việc này.

- P_3 (Population), đất nước, cộng đồng phải có dân số ổn định. Ổn định dân số trên cả ba phương diện: qui mô, cơ cấu và sự phân bố. Giáo dục dân số, sức khoẻ sinh sản cho toàn dân, đặc biệt cho trẻ vị thành niên phải được chú ý.

- P_4 (Pollution), đất nước, cộng đồng phải có sự trong sạch, không ô nhiễm về môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

Giáo dục môi trường, giáo dục các giá trị sống trong các nhà trường phải được tăng cường.

Mô hình 4F (ý tưởng của nhà văn hoá Phan Ngọc) hướng vào sự phát triển cá nhân bao gồm:

- F_1 (Fate): Giáo dục tác động vào đời sống kinh tế để mỗi người có năng lực thực hiện theo vị trí làm việc khiến thân phận không hẩm hiu.

- F_2 (Face): Giáo dục tác động vào đời sống xã hội giúp cho mỗi con người có thể bảo đảm quyền được học, quyền học được và quyền được phát triển tài năng cho mọi người.

- F_3 (Family): Giáo dục giúp cho mỗi con người biết tổ chức đời sống gia đình để có một gia đình hoà thuận, có gia phong trong sáng, có gia pháp nghiêm minh, có gia giáo nền nếp, có gia sản phát đạt, có gia cư trong lành.

Nói một cách cô đọng là mỗi gia đình trở thành một gia đình học hiệu như lời Bác Hồ đã chỉ ra. Bác Hồ nêu ra cho đất nước ta từ năm 1947. Ngày nay UNESCO nói đến việc xây dựng xã hội học tập, đã nhấn mạnh đến nhiệm vụ xây dựng các "learning family". Hai vấn đề này có sự tương giao nhau.

- F_4 (Fatherland): Giáo dục Việt Nam trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng góp phần là điểm tựa đảm

bảo cho sự an ninh của quốc gia, đảm bảo có tổ quốc độc lập, tự do.

2.4. Mười bộ ba mà giáo dục Việt Nam cần quán triệt trong tiến trình phát triển đến năm 2020.

(*) Năm bộ ba về mục tiêu phát triển:

(i) Giáo dục góp phần đặc lực vào việc gia tăng cả ba nguồn vốn:

- Vốn con người(Human Capital)
- Vốn tổ chức(Organization Capital)
- Vốn xã hội(Social Capital)

(ii) Giáo dục góp phần có hiệu quả triển khai ba nhiệm vụ

- Củng cố nhà nước pháp quyền
- Xây dựng xã hội công dân
- Phát triển nền kinh tế thị trường lành mạnh

(iii) Giáo dục tạo nên các hiệu ứng tích cực cho ba công cuộc phát triển đất nước

- Hoàn thành công nghiệp hoá
- Chấn hưng nền văn hoá
- Thúc đẩy đất nước hội nhập

(iv) Giáo dục góp phần vào việc nâng cao tri thức cho ba lực lượng:

- Nâng cao dân trí (trí thức về nghĩa vụ công dân cho mỗi người dân)

- Nâng cao quan trí (trí thức về quản lí cho cán bộ điều hành công vụ)

- Nâng cao doanh trí (trí thức về sản xuất, kinh doanh cho các doanh nhân người hoạt động kinh tế).

(v) Giáo dục tạo ra sợi chỉ đỏ để đất nước có sự phát triển đồng bộ

- Nhân cách mỗi con người và của dân tộc
- Nhân lực kĩ thuật của mỗi cộng đồng và đất nước (nguồn nhân lực chất lượng cao)

- Nhân tài của mỗi cộng đồng và của đất nước (những hiền tài và những người có tài năng cho phát triển cộng đồng)

* Năm bộ ba về giải pháp phát triển:

(vi) Giáo dục nói chung và từng nhà trường nói riêng phải quán triệt ba nguyên tắc phát triển

- Tính dân chủ
- Tính nhân văn
- Tính lao động

(vii) Giáo dục thực hiện sự bổ sung và phối hợp của ba phương thức

- Giáo dục chính quy (Formal Education)
- Giáo dục bán chính quy (Nonformal Education)

(Xem tiếp trang 12)